

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HDĐT ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HDĐT công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Lê Thị Hoài	An				29	9	1982	phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN00005		VT	VT	VT		DAN00495
2	Nguyễn Thị Thúy	An				2	4	1993	Tỉnh Sơn, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN00016		VT	VT	VT		DAN00545
3	Nguyễn Thị Thúy	An				8	2	1987	Hoài Xuân, Hòa Nhơn, Bình Định	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		DAN00014		100.00	56.25	92.50		DAN00191
4	Từ Thị Thúy	An				15	8	1988	Đại Đồng, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		DAN00022		75.00	62.50	70.00		DAN00094
5	Võ Thị Hồng	Ấn				14	2	1989	Tam Kỳ, Quảng Nam	Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Kế toán		DAN00026		VT	VT	VT		DAN00340
6	Đặng Thị Ngọc	Anh				3	2	1982	Hòa Tiến, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Sài Gòn	Kế toán		DAN00034		42.50	32.50	62.50		DAN00399
7	Hoàng Thị Phương	Anh				21	3	1992	Bảo Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Tài chính - Ngân hàng		DAN00048		VT	VT	VT		DAN00004
8	Huỳnh Thị Vân	Anh				22	6	1992	phường Nguyễn Nghiêm, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		DAN00050		42.50	60.00	65.00		DAN00095
9	Lê Thị Xuân	Anh				10	2	1986	Đại An, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00058		VT	VT	VT		DAN00480
10	Nguyễn Thị Huyền	Anh				1	5	1993	Núi Thành, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng	Con NHĐCM trước TKN	DAN00073	20	92.50	66.25	62.50		DAN00141
11	Nguyễn Thị Lan	Anh				13	3	1993	Khu phố 10, Phường 5, TP Đông Hà, T. Quảng Nam	Trường Đại học duy tân	Kế toán kiểm toán		DAN00078		65.00	48.75	75.00		DAN00251
12	Nguyễn Thị Lan	Anh				10	2	1991	Khánh Vương, Lộc Sơn, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00077		80.00	50.00	72.50		DAN00055
13	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh				14	8	1989	Nghi Thạch, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		DAN00084		VT	VT	VT		DAN00372
14	Nguyễn Thị Trâm	Anh				7	3	1992	Đại Cường, Đại Lộc, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán Kiểm toán		DAN00086		50.00	50.00	60.00		DAN00538
15	Nguyễn Thị Vân	Anh				3	9	1993	Hoàng Hà, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế đầu tư		DAN00094		VT	VT	VT		DAN00017
16	Trần Tuấn	Anh	13	1	1989				Khối phố Vĩnh Hòa, phường Thạch Linh, TP Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	Trường Đại học Thương mại	Kế toán		DAN00118		62.50	43.75	62.50		DAN00337
17	Võ Phương Quỳnh	Anh				1	1	1992	Nại Cửu, Triệu Đông, Triệu Phong, Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00123		VT	VT	VT		DAN00015
18	Vũ Thị Quỳnh	Anh				5	7	1987	Hồng Quan, Thanh Miện, Hải Hưng	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN00129		VT	VT	VT		DAN00353
19	Nguyễn Thị	Ấn				25	5	1993	Xã Tam Dân, H.Phủ Ninh, T.Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00132		VT	VT	VT		DAN00235
20	Trần Thị Tuyết	Ấn				3	8	1993	P.Khuê Trung, Q.Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN00137		65.00	56.25	62.50		DAN00230
21	Trần Hải	Ấu				17	10	1989	Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định	Đại học Quang Trung Bình Định	Quản trị kinh doanh		DAN00138		VT	VT	VT		DAN00461
22	Nguyễn Thị Thu	Ba				18	9	1993	Tam Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00141		100.00	75.00	90.00		DAN00020
23	Lê Phan	Bắc	3	1	1992				Triệu Trạch, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		DAN00143		82.50	38.75	77.50		DAN00483
24	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo				29	7	1986	Đại Hiệp, Đại Lộc, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân	Quản trị kinh doanh		DAN00151		75.00	55.00	57.50		DAN00310
25	Hồ Thị	Bích				11	3	1991	Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Luật HCM	Kế toán - Kiểm toán		DAN00157		75.00	70.00	62.50		DAN00592

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ	
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	26	Nguyễn Thanh	Bình				15	12	1993	Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học dân lập Duy Tân	Tài chính ngân hàng		DAN00169		62.50	47.50	62.50		DAN00276
	27	Trần Quang	Bình	24	6	1991				Thôn An Hòa, X.Tam An, H. Phú Ninh, T.Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		DAN00172		87.50	60.00	80.00		DAN00219
	28	Nguyễn Thị Kim	Bông				27	6	1984	Thôn Thuận An, X.Tam Giang, H.Núi Thành, Quảng Nam	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		DAN00175		40.00	43.75	40.00		DAN00256
	29	Nguyễn Thanh	Cần	28	2	1991				phường Bình Hiên, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00187		VT	VT	VT		DAN00121
	30	Lê Minh Thanh	Châu	12	9	1990				Xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại Học Kinh Tế TP Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh Thương mại		DAN00195		VT	VT	VT		DAN00556
	31	Trịnh Thị Mỹ	Châu				29	8	1990	Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		DAN00204		95.00	63.75	87.50		DAN00082
	32	Trương Thị Mỹ	Châu				28	7	1985	Duy An, Duy Xuyên, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh du lịch		DAN00205		87.50	53.75	55.00		DAN00275
	33	Hồ Thị Kim	Chi				19	7	1993	Thôn Đình Trà 1, xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Đà Nẵng	Kinh tế Phát triển		DAN00207		57.50	42.50	60.00		DAN00339
	34	Nguyễn Bình Phương	Chi				6	2	1989	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN00211		45.00	67.50	80.00		DAN00150
	35	Nguyễn Thị Kim	Chi				22	2	1993	Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00217		80.00	77.50	85.00		DAN00485
	36	Nguyễn Thị Kim	Chi				17	4	1991	Tam Quang, Núi Thành, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN00215		VT	VT	VT		DAN00597
	37	Trần Hoài	Chi				12	9	1989	Xã Hòa Châu, H.Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN00222		VT	VT	VT		DAN00227
	38	Trần Thị Kim	Chi				20	1	1987	Điện An, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN00225		VT	MT	VT		DAN00464
	39	Hoàng Thị Việt	Chinh				6	6	1989	Xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Thủy, Tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN00232		30.00	30.00	45.00		DAN00007
	40	Trương Thị Hồng	Chinh				4	3	1992	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN00236		62.50	78.75	45.00		DAN00120
	41	Huỳnh Nguyễn Hoài	Chung				8	5	1993	Khối phố An Trung, thị trấn Tân An, Hiệp Đức, T.Quảng Nam	Trường đại học duy tân	Kế toán kiểm toán		DAN00237		70.00	37.50	60.00		DAN00156
	42	Trần Thị Thanh	Cúc				21	10	1991	Tam Kỳ, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN00246		95.00	57.50	70.00		DAN00378
	43	Lê Thị Kim	Cương				11	2	1991	Triệu An, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại	Con NHDKC bị NCDHH	DAN00248	20	62.50	43.75	70.00		DAN00410
	44	Trần Huy	Cường	28	6	1992				Cạn Lộc, Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Kế toán		DAN00261		VT	VT	VT		DAN00106
	45	Trương Thị	Đạm				12	10	1986	Xã Điện Thắng, H.Điện Bàn, T.Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00263		45.00	42.50	50.00		DAN00166
	46	Lê Thành Công	Danh	17	6	1990				Hòa Hiệp Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng	Con NHDKC bị NCDHH	DAN00267	20	55.00	57.50	67.50		DAN00239
	47	Nguyễn Thị Anh	Đào				22	2	1988	Thôn Đa Hòa Bắc, xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng	Con TB	DAN00272	20	VT	VT	VT		DAN00039
	48	Phạm Thị	Đào				24	2	1985	Thôn 9, xã Quế Xuân, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	Con NHCS như TB	DAN00274	20	45.00	36.25	55.00		DAN00431
	49	Trương Nữ Anh	Đào				25	11	1990	Vinh Thái, Hương Phú, Thừa Thiên Huế	Đại học Nha Trang	Tài chính ngân hàng		DAN00275		VT	VT	VT		DAN00445
	50	Trương Thị	Đào				1	1	1991	Xã Duy Châu, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00276		95.00	45.00	65.00		DAN00081
	51	Nguyễn Đình	Đạt	25	7	1993				Bình Quế, Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân	Quản trị kinh doanh chuẩn PSU		DAN00280		VT	VT	VT		DAN00304
	52	Huỳnh Thị Hồ	Diễm				4	12	1988	Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Nha Trang	Kế toán		DAN00286		VT	MT	VT		DAN00430
	53	Lê Thị Ngọc	Diễm				6	1	1994	Điện Hồng, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN00288		VT	VT	VT		DAN00550
	54	Nguyễn Thị	Diễm				27	7	1990	Quế Xuân, Quế Sơn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Luật	Tài chính doanh nghiệp		DAN00290		VT	VT	VT		DAN00277

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
55	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm				2	5	1993	Khu 2, Thị Trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		DAN00292		VT	VT	VT		DAN00050
56	Nguyễn Thị Thúy	Diễm				15	5	1980	Xã Điện Tiến, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học thương mại Hà Nội	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	Con TB	DAN00293	20	75.00	MT	50.00		DAN00197
57	Đinh Thị Thu	Diễn				23	6	1992	Xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy, Thái Bình	Trường Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN00299		VT	VT	VT		DAN00540
58	Nguyễn Thị Anh	Diệp				23	8	1992	Đồng Yên, Duy Trinh, Duy Xuyên, Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		DAN00302		VT	VT	VT		DAN00565
59	Trần Thị Ngọc	Diệp				11	2	1991	Điện An, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN00303		VT	VT	VT		DAN00593
60	Trần Thị Thanh	Diệp				1	12	1985	Tam Kỳ, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán		DAN00304		80.00	80.00	77.50		DAN00360
61	Nguyễn Thị Huyền	Diệu				1	5	1994	Hải Lệ, Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị	Trường Đại Học Luật - Đại học Huế	Luật tài chính kinh doanh	Con TB	DAN00310	20	VT	VT	VT		DAN00555
62	Nguyễn Thị Thu	Diệu				26	12	1985	Thôn 2, Châu Bì, xã Điện Tiến, Thị trấn Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán	Con TB	DAN00311	20	VT	VT	VT		DAN00589
63	Nguyễn Trung	Đinh	16	3	1986				Xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN00314		VT	MT	VT		DAN00317
64	Hoàng	Đinh	7	3	1993				Xã Điện Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		DAN00315		72.50	68.75	80.00		DAN00083
65	Nguyễn Minh	Đức	28	2	1987				Xuân Hồng, Xuân Thủy, Hà Nam Ninh	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN00330		57.50	68.75	60.00		DAN00104
66	Đặng Thị Kim	Dung				27	3	1991	Điện Nam, Điện Bàn, TP Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán	Con TB	DAN00340	20	37.50	MT	60.00		DAN00591
67	Đặng Thị Mỹ	Dung				17	11	1988	Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00341		VT	VT	VT		DAN00446
68	Huỳnh Nguyễn Phương	Dung				11	2	1993	Hòa Xuân, Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN00349		42.50	47.50	75.00		DAN00188
69	Lê Thị	Dung				18	8	1991	Thôn Lê Sơn 1, X.Hòa Tiến, H.Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00351		87.50	63.75	77.50		DAN00210
70	Nguyễn Thị	Dung				29	10	1991	Tam Đàn, Phú Ninh, T.Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh		DAN00360		42.50	43.75	45.00		DAN00243
71	Nguyễn Thị	Dung				20	12	1990	Xã Xuân Giang, H.Thọ Xuân, T.Thanh Hóa	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp		DAN00359		85.00	51.25	72.50		DAN00187
72	Nguyễn Thị Thanh	Dung				29	6	1992	Hòa Cường, Hải Châu, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00370		90.00	70.00	82.50		DAN00447
73	Nguyễn Thị Thùy	Dung				11	10	1992	Xã Hoa Thủy, H. Lệ Thủy, T.Quảng Bình	Đại học Đông Á Đà Nẵng	Kế toán		DAN00373		77.50	60.00	57.50		DAN00165
74	Vũ Thị Hạnh	Dung				22	10	1989	Trạm Lồ, Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh Quốc tế		DAN00388		77.50	68.75	82.50		DAN00488
75	Hồ Quang	Dũng	16	9	1991				Xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00391		VT	VT	VT		DAN00384
76	Lê Sỹ	Dũng	16	5	1986				Xã Bắc Lương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát	Con TB	DAN00393	20	VT	VT	VT		DAN00386
77	Võ Tiến	Dũng	29	12	1988				Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		DAN00404		70.00	66.25	60.00		DAN00034
78	Đỗ Nguyễn Thùy	Dương				2	11	1990	Điện Phương, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		DAN00408		VT	VT	VT		DAN00415
79	Nguyễn Thị Thùy	Dương				29	6	1986	Tam Kỳ, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN00420		70.00	53.75	70.00		DAN00362
80	Thái Lê Khánh	Dương	24	2	1993				Xã Tam Mỹ, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính - Kế toán	Tài chính doanh nghiệp		DAN00427		82.50	53.75	65.00		DAN00422
81	Võ Vũ Thùy	Dương				24	7	1990	Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN00429		VT	VT	VT		DAN00412
82	Bùi Thị Hữu	Duyên				26	9	1990	Phường Tân Thành, TP Tam Kỳ, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00432		75.00	43.75	72.50		DAN00329

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
83	Đặng Thị Thùy	Duyên				21	6	1992	Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Quy nhơn	Quản lý Tài chính - kế toán	Con TB	DAN00435	20	57.50	43.75	67.50		DAN00432
84	Nguyễn Thị	Duyên				5	10	1992	Thôn Cẩm Toai Tây, Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00444		92.50	51.25	87.50		DAN00254
85	Vũ Quỳnh	Duyên				20	11	1991	Bình Quý, Thăng Bình, Quảng Nam	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		DAN00459		47.50	41.25	60.00		DAN00429
86	Đỗ Hương	Giang				23	3	1981	Đại Cường, Đại Lộc, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		DAN00466		70.00	33.75	55.00		DAN00539
87	Hoàng Hà	Giang				10	10	1991	Đại Thắng, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật Quốc tế		DAN00470		VT	VT	VT		DAN00395
88	Lê Thị Hương	Giang				9	10	1993	Thôn Hòa Bình, xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00475		47.50	62.50	57.50		DAN00049
89	Lê Thị Thu	Giang				17	6	1991	Quế Xuân, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00477		92.50	76.25	67.50		DAN00145
90	Nguyễn Đặng Hương	Giang				29	11	1992	Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình	Trường Đại học Kinh tế Huế	Kế toán Kiểm toán		DAN00478		VT	VT	VT		DAN00338
91	Nguyễn Hoàng Ngân	Giang				14	9	1993	Vĩnh Phúc	Đại học duy tân Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN00480		60.00	63.75	47.50		DAN00180
92	Vũ Thị Thùy	Giang				15	6	1986	Kim Sơn, Ninh Bình	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00502		60.00	30.00	50.00		DAN00359
93	Dương Thị Quỳnh	Giao				9	4	1991	phường Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00503		VT	VT	VT		DAN00465
94	Hồ Thị	Hà				20	10	1994	thôn Nam Thành, X. Hòa Phong, H. Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		DAN00514		45.00	41.25	62.50		DAN00194
95	Huỳnh Thị Ngọc	Hà				17	7	1993	Thôn Viêm Tây 1, Xã Điện Thắng Bắc, TX Điện Bàn, T. Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00518		100.00	46.25	85.00		DAN00224
96	Lê Hoàng	Hà				26	8	1993	Xã Duy Châu, H. Duy Xuyên, T. Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00519		52.50	46.25	55.00		DAN00162
97	Lê Thị	Hà				12	3	1993	Xóm Tây Bắc, xã Thạch Bình, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00523		VT	VT	VT		DAN00374
98	Lê Thị	Hà				12	6	1990	Thôn Xuyên Đông 2, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học ngân hàng TP HCM	Kế toán		DAN00521		VT	VT	VT		DAN00526
99	Lê Thị Yên	Hà				1	6	1994	Đại Hồng, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN00525		VT	VT	VT		DAN00470
100	Mai Thị Ngọc	Hà				21	10	1991	Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính	Con TB	DAN00527	20	75.00	41.25	75.00		DAN00428
101	Nguyễn Thanh	Hà				4	9	1990	X. Mỹ Trạch, H. Bố Trạch, T. Quảng Bình	Trường Đại học Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		DAN00529		90.00	75.00	87.50		DAN00236
102	Nguyễn Thị Bích	Hà				10	1	1990	Kim Long, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN00530		VT	VT	VT		DAN00519
103	Nguyễn Thị Thu	Hà				8	10	1993	Thôn Đồng Tràm Tây, xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00536		95.00	60.00	87.50		DAN00368
104	Nguyễn Thị Trúc	Hà				10	12	1989	Bình Giang, Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN00540		35.00	31.25	50.00		DAN00318
105	Nguyễn Vũ Hải	Hà				2	10	1989	Thanh Chi, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		DAN00542		VT	VT	VT		DAN00330
106	Tạ Thị Ngọc	Hà				18	4	1992	Tổ 2 - Khối Trường Lệ - phường Cẩm Châu - TP Hội An - Tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật Kinh doanh		DAN00552		VT	VT	VT		DAN00059
107	Trần Thị Thu	Hà				26	4	1992	Thôn Quảng Lương, X. Triệu Đại, H. Triệu Phong, T. Quảng Trị	Trường Đại học tài chính kế toán	Ngân hàng		DAN00557		77.50	51.25	85.00		DAN00298
108	Hồ Thị Thanh	Hải				13	11	1989	Xã Thuận Thiện, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	Quản trị Kinh doanh thương mại		DAN00566		VT	VT	VT		DAN00515
109	Ngô Thị Thu	Hằng				30	10	1988	Cẩm Văn Tây, Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Quản trị kinh doanh khách sạn - nhà hàng		DAN00586		VT	VT	VT		DAN00414

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số bảo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
110	Đặng Thị Ánh	Hằng				1	3	1989	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Học viện khoa học xã hội	luật kinh tế	Con TB	DAN00590	20	85.00	47.50	82.50		DAN00489
111	Huỳnh Thị Lệ	Hằng				9	6	1991	Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN00597		60.00	50.00	75.00		DAN00594
112	Nguyễn Diễm	Hằng				1	5	1994	Xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại Học Tài Chính - Kế Toán Quảng Ngãi	Tài chính - Ngân hàng		DAN00608		77.50	71.25	62.50		DAN00564
113	Nguyễn Thị Diệu	Hằng				10	8	1984	Phường Ngạn, Triệu Long, Triệu Phong, Quảng Trị	Trường Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp	Con NHDKC bị NCDHH	DAN00613	20	VT	VT	VT		DAN00289
114	Nguyễn Thị Thúy	Hằng				9	1	1990	Khối 5, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00618		VT	VT	VT		DAN00363
115	Nguyễn Thu	Hằng				5	9	1992	Hưng Xá, Hưng Nguyên, Nghệ An	Trường Đại học ngoại thương	Kinh tế đối ngoại	Con TB	DAN00623	20	VT	VT	VT		DAN00288
116	Phạm Thị	Hằng				20	3	1991	xã Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00625		VT	VT	VT		DAN00451
117	Phan Thị Ngọc	Hằng				16	11	1991	Nghĩa Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00629		VT	VT	VT		DAN00506
118	Trần Thị	Hằng				11	3	1993	Vĩnh Nam, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại		DAN00636		VT	VT	VT		DAN00031
119	Trương Thị Thúy	Hằng				11	3	1990	Kim Long, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Duy Tân - Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00645		VT	VT	VT		DAN00501
120	Tưởng Thị Thanh	Hằng				8	3	1992	Xã Thanh Giang, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Điện lực	Tài chính ngân hàng		DAN00646		VT	VT	VT		DAN00367
121	Đặng Thị Hồng	Hạnh				11	10	1991	Hòa Tiến, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại	Con TB	DAN00650	20	87.50	66.25	72.50		DAN00449
122	Đinh Thị Thúy	Hạnh				11	10	1991	Quảng Sơn, Quảng Trạch, Quảng Bình	Trường Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán		DAN00654		55.00	MT	65.00		DAN00237
123	Dương Thị Mỹ	Hạnh				8	3	1991	Bố Trạch, Quảng Bình	Đại học dân lập Duy Tân	Tài chính ngân hàng		DAN00655		VT	MT	VT		DAN00257
124	Lý Trương Hồng	Hạnh				25	1	1990	Bình An, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Hoa Sen	Tài chính doanh nghiệp		DAN00657		VT	VT	VT		DAN00421
125	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh				25	5	1992	Quảng Phong, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00672		60.00	58.75	62.50		DAN00212
126	Đoàn Thị Mỹ	Hào				2	9	1993	xã Đức Hòa, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN00685		VT	VT	VT		DAN00479
127	Nguyễn Thị	Hậu				16	8	1990	Xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00691		VT	VT	VT		DAN00134
128	Bùi Đỗ Thu	Hiền				7	10	1990	Xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP Hải Phòng	Trường Đại học Thương mại	Kế toán Tài chính doanh nghiệp thương mại	Con TB	DAN00696	20	92.50	45.00	70.00		DAN00546
129	Đặng Thị Minh	Hiền				23	10	1992	Tịnh Thiện, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Trường Đại học Đà Lat	Kế toán		DAN00699		82.50	43.75	72.50		DAN00231
130	Hồ Thị	Hiền				17	6	1993	Điện Trung, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học mở Hà Nội	Tài chính ngân hàng		DAN00707		47.50	28.75	35.00		DAN00601
131	Hoàng Thị	Hiền				5	7	1991	Xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp	Con BB	DAN00708	20	VT	VT	VT		DAN00085
132	Lê Thị	Hiền				13	1	1992	Xã Hải Xuân, H.Hải Lăng, T.Quảng Trị	Đại học Văn Hiến	Tài chính ngân hàng		DAN00717		55.00	46.25	65.00		DAN00200
133	Ngô Thị Thanh	Hiền				29	12	1992	Đại Minh, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN00723		52.50	42.50	VT		DAN00148
134	Nguyễn Phan Minh	Hiền				10	10	1987	Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị KD		DAN00725		VT	VT	VT		DAN00509
135	Nguyễn Thị Duy	Hiền				1	6	1989	Đại An, Đại Lộc, Quảng Nam	Trường ĐH Công nghiệp TP HCM	Tài chính Ngân hàng		DAN00729		52.50	56.25	72.50		DAN00520
136	Phạm Thị Mỹ	Hiền				10	7	1991	Thị Trấn Phú Mỹ, H.Phú Mỹ, T.Bình Định	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN00741		32.50	48.75	55.00		DAN00291
137	Phạm Thị Thanh	Hiền				20	9	1990	Thanh Khê, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN00742		VT	VT	VT		DAN00029
138	Phạm Văn	Hiền	1	7	1992				Xã Bình Hải, H.Thăng Bình, T.Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN00745		100.00	50.00	75.00		DAN00193

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số bảo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
139	Trần Thị Minh	Hiền				4	11	1994	Điện Hồng, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00752		VT	VT	VT		DAN00198
140	Trần Thị Minh	Hiền				23	5	1988	Thôn Quan Châu, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		DAN00751		62.50	85.00	72.50		DAN00101
141	Võ Thị Thu	Hiền				10	10	1994	Đại Hào, Triệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế Phát triển		DAN00765		VT	VT	VT		DAN00343
142	Nguyễn Vũ Hòa	Hiệp				10	7	1993	Tiên Mỹ, Tiên Phước, Quảng Nam	Đại học kinh tế TP HCM	Tài chính		DAN00770		47.50	55.00	57.50		DAN00214
143	Phạm Trung	Hiếu	12	4	1994				Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đại học dân lập Duy Tân	Tài chính ngân hàng		DAN00779		VT	VT	VT		DAN00171
144	Tô Văn	Hiếu	13	2	1990				Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00780		VT	VT	VT		DAN00341
145	Trần	Hiếu	20	1	1974				Xã Gio Thành, H.Gio Linh, T.Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh doanh ngoại thương		DAN00781		VT	VT	VT		DAN00264
146	Ngô Thị Mỹ	Hoa				7	1	1994	Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán		DAN00797		VT	VT	VT		DAN00484
147	Nguyễn Thị	Hoa				6	7	1986	Thái Dương, Thái Thụy, Thái Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kiểm toán		DAN00800		VT	MT	VT		DAN00473
148	Hồ Thị Thu	Hòa				11	11	1995	Đồng Thanh, Đồng Hà, Quảng Trị	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán		DAN00821		77.50	56.25	70.00		DAN00604
149	Hoàng Thanh	Hòa				7	7	1991	Lạc Long, Kinh Môn, Hải Dương	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kinh tế kế hoạch và đầu tư		DAN00822		62.50	76.25	87.50		DAN00381
150	Trần Thị Việt	Hòa				12	4	1992	Xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN00834		77.50	45.00	80.00		DAN00064
151	Phạm Văn	Hoang	10	5	1987				Thôn Châu Me, xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đồng Á Đà Nẵng	Kế toán	HTNVQS	DAN00851	10	80.00	26.25	50.00		DAN00125
152	Nguyễn Xuân	Hoàng	17	7	1985				Điện Dương, Điện Bàn, Quảng Nam	Viện Đại học mở Hà Nội	Kế toán		DAN00863		62.50	30.00	67.50		DAN00124
153	Nguyễn Xuân	Hoành	4	2	1990				Nghi Lâm, Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Công nghệ Đồng Á	Tài chính - Ngân hàng		DAN00871		52.50	33.75	55.00		DAN00481
154	Nguyễn Thị	Hồng				11	7	1989	Hòa Mỹ, Hòa Minh, Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		DAN00883		VT	VT	VT		DAN00296
155	Phan Thị	Hồng				15	11	1994	Bồ Trạch, Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00890		VT	VT	VT		DAN00547
156	Đinh Thị	Huệ				14	10	1989	Hà Ný Đông A, Điện Dương, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		DAN00904		VT	VT	VT		DAN00350
157	Nguyễn Thị Phúc	Huệ				7	11	1983	Bình Lâm, Hiệp Đức, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00911		VT	VT	VT		DAN00186
158	Trần Thị Kim	Huệ				14	4	1991	Thôn 1, Tiên Lập, Tiên Phước, T.Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00918		85.00	50.00	70.00		DAN00161
159	Huỳnh Công	Hưng	25	1	1993				Hòa Thọ Tây, Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Đại học Luật - ĐH Huế	Luật hành chính		DAN00934		VT	VT	VT		DAN00516
160	Lê Văn	Hưng	22	7	1993				Hòa Xuân, Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Đại học dân lập Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN00936		87.50	46.25	77.50		DAN00244
161	Trần Khánh	Hưng	13	1	1994				Xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN00941		70.00	83.75	85.00		DAN00404
162	Hoàng Thị	Hương				5	4	1993	Xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN00948		85.00	75.00	90.00		DAN00097
163	Lê Thị	Hương				10	5	1989	TP Đà Nẵng	Trường ĐH Đồng Á	Kế toán		DAN00956		VT	VT	VT		DAN00525
164	Lê Thị	Hương				15	6	1986	Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00954		32.50	35.00	32.50		DAN00437
165	Lê Thị Mỹ	Hương				10	5	1990	Phường 3, thị xã Quảng Trị, T.Quảng Trị	Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN00959		VT	VT	VT		DAN00174
166	Lê Thị Thanh	Hương				9	9	1993	Xã Đại Thanh, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN00961		55.00	43.75	75.00		DAN00503
167	Lê Thị Thanh	Hương				20	12	1987	Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Đại học Đồng á	Kế toán		DAN00960		77.50	50.00	65.00		DAN00046
168	Lê Thị Thu	Hương				7	9	1991	Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN00962		87.50	57.50	82.50		DAN00376

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
169	Nguyễn Thị	Hương				13	9	1993	Thôn Bắc Sơn, xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN00970		95.00	41.25	75.00		DAN00038
170	Nguyễn Thị	Hương				10	6	1988	Vĩnh Thạch, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN00967		VT	VT	VT		DAN00250
171	Nguyễn Thị Lan	Hương				6	8	1979	Nghĩa Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Đại học dân lập Duy Tân	Quản trị kinh doanh		DAN00974		77.50	MT	32.50		DAN0021
172	Võ Thị Thu	Hương				25	4	1992	Bình Nguyên, Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN00990		52.50	60.00	62.50		DAN00176
173	Đào Thị Thu	Hường				15	10	1989	Thạch Bằng, Lộc Hà, Hà Tĩnh	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN00997		75.00	55.00	55.00		DAN00468
174	Lưu Vũ	Huy	29	7	1987				TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN01006		47.50	31.25	52.50		DAN00248
175	Trần Công	Huy	6	10	1993				Điện Quang, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN01011		77.50	43.75	67.50		DAN00027
176	Đặng Thị	Huyền				24	4	1993	Nam Kim, Nam Đàn, Nghệ An	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN01020		82.50	45.00	62.50		DAN00011
177	Đinh Thị	Huyền				18	1	1983	Xã Quảng Lộc, huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán Kiểm toán		DAN01021		67.50	52.50	72.50		DAN00307
178	Đỗ Thị	Huyền				4	3	1987	TP Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	DAN01023	20	52.50	51.25	55.00		DAN00373
179	Mai Thị Xuân	Huyền				12	4	1993	Xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN01043		42.50	31.25	47.50		DAN00347
180	Nguyễn Thanh	Huyền				4	3	1991	X.Vĩnh Kim, H.Vĩnh Linh, T.Quảng Trị	Đại học Văn Lang	Kế toán kiểm toán		DAN01046		57.50	57.50	52.50		DAN00293
181	Nguyễn Thị Lê	Huyền				12	10	1991	TT Trà Xuân, Trà Bồng, Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN00730		65.00	51.25	75.00		DAN00205
182	Nguyễn Thị Thu	Huyền				23	9	1995	Triệu Lăng, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Tài chính Kế toán	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	DAN01063	20	65.00	43.75	65.00		DAN00603
183	Phạm Thị Ngọc	Huyền				13	5	1994	Bình Triều, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN01066		65.00	73.75	80.00		DAN00388
184	Đặng Thị	Huỳnh				3	6	1990	An Hải Tây, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN01079		VT	VT	VT		DAN00149
185	Đỗ Tú	Khanh				27	4	1994	Xuân Trường, Thọ Xuân, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN01084		72.50	82.50	72.50		DAN00433
186	Võ Phạm	Khanh	25	4	1993				Bình Giang, Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Dân Sự		DAN01088		30.00	28.75	42.50		DAN00041
187	Hoàng Quốc	Khánh	2	8	1988				X.Điện Hòa, H.Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán		DAN01091		77.50	60.00	MT		DAN00246
188	Nguyễn Thị Kim	Khánh				10	4	1991	Điện An, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		DAN01096		VT	VT	VT		DAN00543
189	Phạm Duy	Khánh	9	9	1994				Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN01098		VT	VT	VT		DAN00164
190	Lê Bảo	Khương				30	4	1991	Làng Mỹ Xuyên, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		DAN01107		VT	VT	VT		DAN00043
191	Bùi Thị	Khuyên				4	10	1988	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Trường Đại học Lâm nghiệp	Kế toán		DAN01109		87.50	47.50	65.00		DAN00005
192	Nguyễn Thị	Kiều				10	11	1992	Bình Quý, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Kế toán		DAN01118		VT	VT	VT		DAN00090
193	Ngô Thị Huỳnh	Kim				10	1	1988	Hòa Thọ, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Thương mại	Kế toán		DAN01123		VT	VT	VT		DAN00491
194	Nguyễn Giang	Lam				26	11	1993	Xã Lê Hóa, H.Tuyên Hóa, T.Quảng Bình	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Luật kinh doanh		DAN01131		72.50	38.75	70.00		DAN00181
195	Phan Thị Thanh	Lâm				11	4	1986	Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		DAN01142		60.00	MT	70.00		DAN00115
196	Ngô Thị Ngọc	Lan				3	7	1991	Hòa Thọ, Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN01150		70.00	41.25	57.50		DAN00389
197	Nguyễn Thị Mai	Lan				8	6	1988	Tỉnh Hải, Tỉnh Gia, Thanh Hóa	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		DAN01153		47.50	45.00	37.50		DAN00420
198	Nguyễn Vũ Bích	Lan				16	10	1994	Hoài Đức, Hà Đông	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN01156		35.00	82.50	77.50		DAN00331

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số bảo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
199	Phạm Ngọc Hoa	Lan				7	9	1991	Điện Trung, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN01157		VT	VT	VT		DAN00411
200	Trần Thị	Lan				20	6	1993	Xóm Bắc Vắn, xã Thạch Vắn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN01159		VT	VT	VT		DAN00356
201	Nguyễn Thị	Lành				4	8	1993	Tiểu Khu 1, Thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN01163		50.00	52.50	52.50		DAN00012
202	Nguyễn Thị	Lê				6	3	1991	Bình Minh, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Ngân hàng		DAN01167		VT	VT	VT		DAN00387
203	Trịnh Thị Kim	Lê				8	7	1992	Làng Trà Liên, X. Triệu Giang, H. Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Huế	Luật kinh tế quốc tế		DAN01175		VT	VT	VT		DAN00281
204	Lê Thị	Lê				19	9	1983	Xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01178		70.00	48.75	67.50		DAN00390
205	Lê Thị Mỹ	Lê				10	9	1993	Xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Đồng Á	Kế toán		DAN01179		VT	VT	VT		DAN00070
206	Nguyễn Thị	Lê				7	8	1991	Tổ 5, Đội 2, Thôn Hạ Nông Trung, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Quảng Nam	Kế toán		DAN01181		VT	VT	VT		DAN00314
207	Nguyễn Thị	Lê				9	4	1982	phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đại học Dân lập Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN01180		52.50	35.00	52.50		DAN00454
208	Phan Thị Cẩm	Lê				15	4	1987	Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01186		90.00	37.50	82.50		DAN00105
209	Trần Thị Mỹ	Lê				23	9	1994	Quế Phong, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh	Ngân hàng		DAN01188		VT	VT	VT		DAN00458
210	Lê Thị	Lịch				8	2	1987	Thanh Hóa	Trường Đại học thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		DAN01189		VT	VT	VT		DAN00169
211	Lê Văn Nguyên	Liên	26	9	1993				Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN01190		VT	VT	VT		DAN00320
212	Đặng Văn	Liên	16	9	1991				Điện Tiến, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kiến trúc ĐN	Ngân hàng		DAN01193		50.00	27.50	55.00		DAN00266
213	Hồ Thị	Liên				10	4	1992	Gio Việt, Gio Linh, Quảng Trị	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Kinh tế - quốc tế	Con NHCS như TB	DAN01196	20	55.00	32.50	55.00		DAN00089
214	Nguyễn Thị	Liên				23	10	1987	Hiền Lương, Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Thương mại	Kế toán Tài chính doanh nghiệp thương mại		DAN01200		77.50	63.75	65.00		DAN00032
215	Phạm Thị Bích	Liên				27	5	1982	Huyện Thanh Hà, Hà Tĩnh	Trường Đại học thủy sản Nha Trang	Quản trị kinh doanh		DAN01208		VT	VT	VT		DAN00287
216	Phạm Thị Thủy	Liên				2	11	1989	Điện Phương, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		DAN01210		80.00	57.50	80.00		DAN00057
217	Phạm Trịnh Bích	Liên				5	7	1991	Tiên Kỳ, Tiên Phước, Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	Con TB	DAN01211	20	87.50	56.25	80.00		DAN00352
218	Nguyễn Phan Ngọc	Liều				1	2	1994	Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01222		77.50	43.75	62.50		DAN00009
219	Đinh Thị Thủy	Linh				20	12	1991	Xuân Mỹ, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN01230		VT	VT	VT		DAN00026
220	Đoàn Mạnh	Linh	16	7	1991				Hà Tĩnh	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Kế toán		DAN01231		VT	VT	VT		DAN00391
221	Dương Thủy	Linh				27	7	1992	Nam Định	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN01237		52.50	31.25	37.50		DAN00408
222	Hồ Thị Thủy	Linh				5	8	1992	Xã Duy Hải , Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Sài gòn	Tài chính	Con TB	DAN01240	20	90.00	75.00	80.00		DAN00223
223	La Hoàng Mỹ	Linh				6	11	1994	Xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Ngoại thương TP Hồ Chí Minh	Kinh tế đối ngoại		DAN01248		97.50	83.75	75.00		DAN00135
224	Lê Thị Thủy	Linh				3	8	1992	Khu Ái Mỹ, thị trấn Ái Nghĩa, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN01253		VT	VT	VT		DAN00119
225	Lê Thủy	Linh				24	10	1994	Hòa Tiến, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN01254		47.50	40.00	52.50		DAN00351
226	Nguyễn Thị Mỹ	Linh				11	2	1994	TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật học		DAN01274		VT	VT	VT		DAN00285

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
227	Nguyễn Thị Thúy	Linh				1	3	1992	Xóm 2, thôn Hưng Long, xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		DAN01279		62.50	33.75	60.00		DAN00077
228	Phạm Văn	Linh	12	12	1989				Thừa Thiên Huế	Học viện Hành chính	Quản lý tài chính công		DAN01305		VT	VT	VT		DAN00110
229	Trần Khánh	Linh				10	11	1991	phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01312		VT	VT	VT		DAN00111
230	Trần Thị	Linh				2	2	1994	Kỳ Đông, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Trường Đại học Luật TP HCM	Luật Thương mại		DAN01317		VT	VT	VT		DAN00211
231	Trần Thị Diệu	Linh				21	4	1993	Xã Hòa Phước, H.Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học duy tân Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		DAN01319		VT	VT	VT		DAN00272
232	Trần Thị Mỹ	Linh				2	1	1992	Xã Duy Sơn, H.Duy Xuyên, T.Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh du lịch		DAN01321		77.50	60.00	77.50		DAN00216
233	Trần Thị Mỹ	Linh				1	10	1988	Quảng Thọ, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN01320		87.50	48.75	75.00		DAN00590
234	Võ Thị Khánh	Linh				9	11	1993	An Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN01328		VT	VT	VT		DAN00528
235	Bùi Thị Thúy	Loan				30	8	1989	Gio Mai, Gio Linh, Quảng Trị	Trường Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN01334		VT	VT	VT		DAN00297
236	Đỗ Phương	Loan				25	12	1991	Ý Yên, Nam Định	Đại học Quốc gia Hà Nội	luật kinh doanh		DAN01336		67.50	43.75	52.50		DAN00482
237	Hồ Thị Hồng	Loan				19	11	1993	Thôn Trà Đình 1, Xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán	Con TB	DAN01337	20	77.50	51.25	67.50		DAN00494
238	Nguyễn Thanh	Loan				7	12	1988	An Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học kinh tế - Luật TP HCM	Kinh tế và quản lý công		DAN01345		50.00	77.50	42.50		DAN00213
239	Nguyễn Thị	Loan				16	12	1992	Xã Hợp Lý, H.Triệu Sơn, T.Thanh Hóa	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN01349		VT	VT	VT		DAN00294
240	Nguyễn Thị Vân	Loan				10	3	1992	Khối phố An Tây, TT Tân An, Hiệp Đức, T.Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01353		95.00	61.25	87.50		DAN00153
241	Bùi Bá Vinh	Long	1	1	1989				Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01366		VT	VT	VT		DAN00397
242	Đình Hải	Long	16	2	1990				Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN01367		75.00	51.25	75.00		DAN00229
243	Mai Thành	Luân	10	8	1991				Khối 19 Thị trấn Hương Khê, Hà Tĩnh	Trường Đại học Hà Tĩnh	Tài chính- Ngân hàng		DAN01373		40.00	27.50	22.50		DAN00522
244	Nguyễn Thị	Lương				25	7	1993	Xã Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01381		VT	VT	VT		DAN00394
245	Lê Thị Hoài	Luy				20	5	1990	Tiên Cẩm, Tiên Phước, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán	Con TB	DAN01385	20	VT	VT	VT		DAN00487
246	Nguyễn Thị Khánh	Ly				14	10	1990	Thôn Long Xuyên, xã Duy An, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán		DAN01413		VT	VT	VT		DAN00098
247	Nguyễn Thị Ly	Ly				8	12	1994	Xã Vĩnh Trung, huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN01416		97.50	72.50	90.00		DAN00021
248	Nguyễn Thị Ly	Ly				25	7	1989	Đại Cường, Đại Lộc, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh du lịch		DAN01415		45.00	50.00	55.00		DAN00258
249	Phan Thị Trúc	Ly				30	1	1989	Xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN01423		VT	VT	VT		DAN00393
250	Lưu Ngọc	Mai				1	2	1989	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	Đại học Đại chất	Quản trị kinh doanh		DAN01441		82.50	MT	60.00		DAN00262
251	Ngô Thị Quỳnh	Mai				3	7	1990	Xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế - Luật - Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		DAN01443		VT	VT	VT		DAN00053
252	Đoàn Thị Minh	Mẫn				24	10	1992	Thôn Bích An, Tam Xuân I, Núi Thành, Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Quản trị kinh doanh		DAN01463		VT	VT	VT		DAN00107
253	Nguyễn Thị	Mẫn				15	5	1989	Tam Xuân, Núi Thành, Quảng Nam	Đại học kinh tế luật TP HCM	Tài chính ngân hàng		DAN01464		VT	VT	VT		DAN00252

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
254	Trần Thị Hoài	Mi				2	7	1991	Hành Phước, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		DAN01478		85.00	62.50	75.00		DAN00006
255	Đinh Thị Ánh	Minh				22	1	1986	Tam Kỳ, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN01482		VT	VT	VT		DAN00302
256	Lê Thị Hồng	Minh				21	1	1994	Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Nha Trang	Kế toán		DAN01491		67.50	52.50	72.50		DAN00282
257	Nguyễn Nữ Nhật	Minh				15	12	1991	Kim Long, Huế, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế Huế	Tài chính - Ngân hàng		DAN01498		VT	VT	VT		DAN00322
258	Nguyễn Thị Kim	Minh				20	6	1991	Cầm Kim, Hội An, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán Kiểm toán		DAN01500		45.00	MT	62.50		DAN00326
259	Võ Thị Hoàng	Minh				31	8	1987	Cầm Thanh, Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN01510		42.50	26.25	42.50		DAN00385
260	Lê Hà	My				10	2	1986	Hải Sơn, Hải Lăng, Quảng Trị	Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính Tín dụng - Ngân hàng		DAN01520		67.50	58.75	67.50		DAN00025
261	Nguyễn Ngọc Hoa	My				27	6	1989	Tam Anh, Núi Thành, Quảng Nam	Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		DAN01523		55.00	57.50	50.00		DAN00042
262	PHAM NGOC LAM	MY				3	10	1993	Đà Nẵng	Trường Đại Học Kinh Tế TP Đà Nẵng	Kế toán		DAN01529		85.00	55.00	80.00		DAN00551
263	Trần Thị Kiều	My				25	1	1994	Duy An, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN01532		VT	VT	VT		DAN00371
264	Cao Thị Lệ	Mỹ				10	1	1981	Bình Định	Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		DAN01535		VT	MT	VT		DAN00496
265	Hoàng Thị Thủy	Na				24	10	1994	Triệu Tài, Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN01538		52.50	72.50	62.50		DAN00345
266	Nguyễn Thị Hải	Nam				12	7	1985	Thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01560		85.00	41.25	62.50		DAN00067
267	Đoàn Thị Thủy	Nga				25	12	1990	Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán		DAN01570		60.00	MT	70.00		DAN00018
268	Mai Thị	Nga				29	5	1990	Xóm Trường Minh, xã Thanh Hưng, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Kinh tế ĐHQG Hà Nội	Kinh tế Chính trị Việt Nam		DAN01578		87.50	MT	75.00		DAN00308
269	Nguyễn Thị Thanh	Nga				20	3	1991	Thôn Phú Nam Bắc, Tam Xuân 2, Núi Thành, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01585		82.50	67.50	72.50		DAN00270
270	Nguyễn Thị Thu	Nga				8	1	1995	Nam Cường, Nam Đàn, Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN01587		47.50	66.25	67.50		DAN00534
271	Phạm Thị Thúy	Nga				21	2	1992	Tam Dân, Phú Ninh, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán	Con NHCS như TB	DAN01589	20	VT	VT	VT		DAN00242
272	Võ Thị Hằng	Nga				3	5	1994	Thôn Lai Bình, xã Vĩnh Cháp, H.Vĩnh Linh, T.Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN01598		100.00	63.75	85.00		DAN00155
273	Hà Thị Kim	Ngân				15	3	1989	Xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN01607		90.00	73.75	75.00		DAN00533
274	Hồ Thị Kim	Ngân				21	9	1992	Xã Duy Châu, H.Duy Xuyên, T.Quảng Nam	Đại học SUNDERLAND	Quản trị kinh doanh		DAN01608		VT	MT	VT		DAN00290
275	Huỳnh Thị	Ngân				30	4	1994	Hòa Khánh Nam, Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật		DAN01609		47.50	47.50	67.50		DAN00167
276	Nguyễn Thị Thúy	Ngân				7	11	1991	Cao Minh, Mê Linh, Hà Nội	Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	DAN01628	20	50.00	50.00	65.00		DAN00452
277	Trần Thị Thảo	Ngân				27	10	1992	H.Quảng Trạch, T.Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN01633		100.00	80.00	80.00		DAN00189
278	Trần Thị Thúy	Ngân				25	11	1991	Thống Nhất, Đồng Nai	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN01634		VT	VT	VT		DAN00383
279	Trần Thiên	Ngân				30	3	1991	Xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN01635		80.00	58.75	87.50		DAN00100
280	Võ Thị Thanh	Nghi				6	12	1987	Tam Tiến, Núi Thành, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN01639		VT	VT	VT		DAN00300
281	Võ Đức	Nghiêm	13	10	1986				Bố Trạch, Quảng Bình	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		DAN01644		57.50	MT	70.00		DAN00226
282	Lê Tổ Ánh	Ngọc				5	7	1992	Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại Học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN01657		VT	VT	VT		DAN00552
283	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc				19	10	1991	Vĩnh Linh - Quảng Trị	Trường Đại học Duy Tân - Đà Nẵng	Kế toán Doanh nghiệp		DAN01669		VT	VT	VT		DAN00504

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
284	Trần Thị Bích	Ngọc				1	8	1991	Tam Hiệp, Núi Thành, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	DAN01686	20	VT	VT	VT		DAN00222
285	Vũ Bích Như	Ngọc				11	5	1993	Bình Minh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Kế toán tổng hợp		DAN01691		VT	VT	VT		DAN00334
286	Hoàng Bảo Long	Nguyễn	28	4	1994				Hoàn Trach, Bồ Trach, Quảng Bình	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn Thông	Quản trị doanh nghiệp		DAN01698		40.00	43.75	70.00		DAN00240
287	Lê Thị Thanh	Nguyễn				1	3	1993	Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế - DH Đà Nẵng	Quản trị Tài chính		DAN01702		50.00	30.00	50.00		DAN00512
288	Nguyễn Quang	Nguyễn	14	4	1993				Gio Thành, Gio Linh, Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật kinh tế		DAN01705		92.50	48.75	85.00		DAN00190
289	Phạm Thị Thảo	Nguyễn				12	11	1994	Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN01708		52.50	52.50	47.50		DAN00088
290	Thái Trịnh Hạnh	Nguyễn				15	9	1992	Tam Dân, Phú Ninh, Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN01711		VT	VT	VT		DAN00217
291	Hoàng Thị	Nhân				16	6	1992	Khu phố 2, Phường 2, Đông Hà, Quảng Trị	Trường Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN01733		50.00	37.50	52.50		DAN00286
292	Nguyễn Thị Thanh	Nhân				11	8	1994	Hội An, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính	Con TB	DAN01739	20	52.50	65.00	60.00		DAN00010
293	Hoàng Đỗ Thanh	Nhân	17	8	1994				Bình Triều, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Tổ chức kinh doanh		DAN01747		VT	VT	VT		DAN00406
294	Nguyễn Trần	Nhân	13	1	1993				Mỹ Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Huế	Tài chính - Ngân hàng		DAN01751		VT	VT	VT		DAN00305
295	Phạm Nguyễn Thành	Nhân	10	12	1989				Xã Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học kiến trúc Đà Nẵng	Kế toán		DAN01752		VT	VT	MT		DAN00225
296	Nguyễn Hà	Nhi				18	10	1990	Xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		DAN01774		VT	VT	VT		DAN00131
297	Nguyễn Thị Kim	Nhi				12	3	1984	Đức Lân, Mộ Đức, Quảng Ngãi	Trường Đại Học Kinh Tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01779		57.50	50.00	75.00		DAN00554
298	Nguyễn Thị Yến	Nhi				20	4	1993	Tiên Thọ, Tiên Phước, Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Tài chính		DAN01780		72.50	46.25	80.00		DAN00202
299	Phan Thị Bảo	Nhi				13	11	1993	Xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính		DAN01783		82.50	72.50	80.00		DAN00114
300	Trần Thị Yến	Nhi				4	5	1990	Tam Thăng, Tam Kỳ, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán		DAN01791		75.00	46.25	82.50		DAN00103
301	Nguyễn Hoàng Yến	Như				29	2	1992	Đại Cường, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		DAN01801		50.00	42.50	55.00		DAN00439
302	Hồ Thị Thanh	Nhung				13	7	1992	Đông Thanh, Đông Hà, Quảng Trị	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		DAN01814		50.00	48.75	47.50		DAN00469
303	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung				28	1	1993	Thôn Trung Sơn, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Đông Á	Kế toán		DAN01832		40.00	32.50	60.00		DAN00142
304	Võ Thị	Nhung				3	2	1991	Tam Đại, Phú Ninh, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01856		82.50	66.25	75.00		DAN00450
305	Võ Thị Hồng	Nhung				1	11	1992	Quế Phú, huyện Quế Sơn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán		DAN01857		45.00	MT	52.50		DAN00323
306	Vương Thị Cẩm	Nhung				25	9	1993	Thôn Quán Giăng II, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật học		DAN01860		VT	VT	VT		DAN00537
307	Nguyễn Thị Hòa	Ni				15	3	1992	Thôn 5, Điện Nam Trung, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế TP Đà Nẵng	Kế toán		DAN01862		85.00	78.75	87.50		DAN00560
308	Hoàng Yến	Ninh				22	12	1994	Hoài Hào, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN01865		60.00	70.00	72.50		DAN00168
309	Võ Thị	Nở				12	7	1994	Hà Dục Đông, Đại Lãnh, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01868		VT	VT	VT		DAN00444
310	Lê Thị Tô	Ny				28	6	1989	Thôn Phước Thái, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		DAN01873		VT	VT	VT		DAN00033
311	Nguyễn Thị Hằng	Ny				17	2	1987	Đà Nẵng	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN01874		65.00	22.50	55.00		DAN00426
312	Đặng Thị Tú	Oanh				30	8	1982	Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		DAN01877		VT	VT	VT		DAN00498
313	Đoàn Thị Kim	Oanh				20	11	1991	X.Phú Thủy, H.Lệ Thủy, T.Quảng Bình	Trường Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN01879		VT	VT	VT		DAN00292

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
314	Hồ Thị Kim	Oanh				4	11	1992	Điện Phước, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN01881		VT	VT	VT		DAN00472
315	Huỳnh Thị Thục	Oanh				26	9	1993	Xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, T. Quảng Ngãi	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Luật		DAN01883		82.50	37.50	65.00		DAN00196
316	Lê Thị	Oanh				26	9	1993	Nam Phú - Vĩnh Nam- Vĩnh Linh - Quảng Trị	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		DAN01884		85.00	55.00	90.00		DAN00599
317	Lê Thị Kiều	Oanh				30	7	1992	Thành phố Vinh, Nghệ An	Đại học Giao thông vận tải	Quản trị kinh doanh giao thông vận tải		DAN01885		37.50	45.00	60.00		DAN00490
318	Nguyễn Thị Hồng	Oanh				10	9	1991	Hạ Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Trường Đại Học Đà Nẵng	Kế toán		DAN01890		77.50	55.00	72.50		DAN00566
319	Nguyễn Thị Kiều	Oanh				25	1	1990	Bảo An Đông, Điện Quang, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Nha Trang	Kế toán		DAN01891		62.50	35.00	55.00		DAN00206
320	Nguyễn Thị Tú	Oanh				20	5	1990	Phú Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN01898		72.50	57.50	90.00		DAN00511
321	Phan Thị Hoàng	Oanh				25	12	1991	Xã Phú Thọ, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Luật - Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh	Kế toán		DAN01904		62.50	50.00	85.00		DAN00144
322	Thân Thị Kiều	Oanh				24	12	1990	Điện An, Điện Bàn, Quảng Nam	ĐH Công nghiệp HCM	Tài chính Ngân hàng		DAN01905		50.00	36.25	60.00		DAN00529
323	Trần Thị Quỳnh	Oanh				15	9	1994	Thị trấn Đồng Phú, huyện Quế Sơn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân	Tài chính - Ngân hàng	Con TB	DAN01907	20	55.00	41.25	67.50		DAN00047
324	Lê Thanh	Phong	7	11	1990				Đại Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		DAN01919		45.00	32.50	35.00		DAN00086
325	Huỳnh Thị	Phú				20	6	1992	Bình Định Bắc, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		DAN01923		92.50	38.75	72.50		DAN00123
326	Nguyễn Thị	Phúc				16	4	1994	Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Kế toán Tổng hợp		DAN01931		VT	VT	VT		DAN00549
327	Phan Gia	Phúc	20	10	1990				Bình Thuận, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN01933		57.50	58.75	67.50		DAN00544
328	Đỗ Thị Khánh	Phương				18	7	1989	Vĩnh Thái, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Quảng Nam	Kế toán		DAN01952		VT	VT	VT		DAN00477
329	Đỗ Thị Nam	Phương				8	9	1985	Tĩnh Gia, Thanh Hóa	Trường Đại học Nottingham Trend - Vương quốc Anh	Quản trị và kinh doanh quốc tế		DAN01954		85.00	MT	80.00		DAN00541
330	Hoàng Thị Thu	Phương				10	6	1988	Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	Con BB	DAN01962	20	72.50	27.50	65.00		DAN00058
331	Lê Lâm Thủy	Phương				20	10	1990	Thanh Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh	Kiểm toán		DAN01964		90.00	58.75	75.00		DAN00596
332	Lê Thị Thu	Phương				20	1	1990	Huyện Duy Xuyên, T. Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		DAN01969		85.00	52.50	77.50		DAN00163
333	Nguyễn Thị	Phương				22	12	1989	Bình Tân, Tây Sơn, Bình Định	Trường Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán		DAN01980		40.00	27.50	50.00		DAN00160
334	Nguyễn Thị Bích	Phương				6	5	1990	Thôn 4, Tiên Lộc, Tiên Phước, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		DAN01985		75.00	42.50	67.50		DAN00146
335	Nguyễn Thị Lan	Phương				10	1	1989	Hải Châu, Hải Hậu, Nam Định	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		DAN01989		VT	VT	VT		DAN00418
336	Nguyễn Thị Nhã	Phương				22	10	1993	Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán - Kiểm toán		DAN01992		70.00	37.50	40.00		DAN00438
337	Nguyễn Thị Nhật	Phương				11	9	1993	Thôn Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại Học Kinh Tế TP Đà Nẵng	Kế toán		DAN01993		67.50	38.75	62.50		DAN00561
338	Nguyễn Thị Thanh	Phương				10	2	1992	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN01995		92.50	MT	87.50		DAN00063
339	Nguyễn Thị Trúc	Phương				2	9	1994	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN01999		32.50	26.25	42.50		DAN00333
340	Phan Thị Bảo	Phương				17	7	1991	Đại Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán Kiểm toán		DAN02008		90.00	46.25	72.50		DAN00321
341	Trần Anh	Phương	8	6	1992				Xã Hòa Phú, H. Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN02014		VT	VT	VT		DAN00233
342	Võ Thị Lan	Phương				16	11	1994	Thôn Tinh Thủy, X. Tam Thanh, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam	Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Luật dân sự		DAN02023		70.00	42.50	75.00		DAN00195

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
343	Đặng Lê Minh	Phượng				13	5	1994	Mỹ Thủy, Lê Thủy, Quảng Bình	Trường Đại học Công nghệ GTVT Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		DAN02026		62.50	43.75	40.00		DAN00008
344	Hoàng Thị Hồng	Phượng				20	11	1993	Phúc Trạch, Hương Khê, Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Kiểm toán		DAN02030		VT	VT	VT		DAN00117
345	Trần Thị Ánh	Phượng				10	10	1994	Quế Trung, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế và quản lý công		DAN02041		VT	VT	VT		DAN00118
346	Phạm Thị Thanh	Quý				16	8	1992	Xã Điện Tiến, huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN02064		VT	VT	VT		DAN00535
347	Nguyễn Thị Hồng	Quý				14	8	1989	Xã Tịnh Giang, H.Sơn Tịnh, T.Quảng Ngãi	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Luật kinh doanh		DAN02068		80.00	45.00	82.50		DAN00182
348	Hồ Thị	Quyên				28	9	1992	Lộc Thủy, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN02071		80.00	41.25	95.00		DAN00336
349	Hồ Thị Ánh	Quyên				6	6	1993	Phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN02072		65.00	45.00	80.00		DAN00417
350	Lê Thị	Quyên				20	11	1991	Yên Thạch, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế		DAN02075		VT	VT	VT		DAN00510
351	Lê Thị	Quyên				26	4	1990	Đội 16, thôn Quý Hương, xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại Học Đà Nẵng	Kế toán		DAN02074		82.50	66.25	67.50		DAN00557
352	Nguyễn Nhật	Quyên				4	4	1991	Xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN02076		VT	VT	VT		DAN00332
353	Trần Thị Ngọc	Quyên				27	2	1986	Đại Đồng, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN02084		VT	VT	VT		DAN00475
354	Võ Tịnh	Quyên				3	11	1992	Điện Thọ - Điện Bàn - Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02087		VT	VT	VT		DAN00467
355	Nguyễn Thị Thanh	Quyên				15	8	1992	Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN02089		42.50	41.25	65.00		DAN00416
356	Bùi Thị Xuân	Quỳnh				21	5	1991	Tân Thạnh, Tam Kỳ, Quảng Nam	Trường Đại học Quảng Nam	Quản trị kinh doanh		DAN02094		57.50	52.50	77.50		DAN00315
357	Đào Như	Quỳnh				26	11	1988	Xã An Mỹ, H.Quỳnh Phụ, Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển	Con BB	DAN02097	20	40.00	40.00	67.50		DAN00247
358	Lê Thương	Quỳnh				4	10	1990	Xã Quế Xuân, huyện Quế Sơn, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		DAN02104		52.50	51.25	60.00		DAN00112
359	Nguyễn Thanh	Quỳnh				12	4	1993	Văn La, Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	DAN02108	20	85.00	47.50	75.00		DAN00361
360	Phạm Thị Thu	Quỳnh				10	10	1986	Thôn 3, Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam	Trường Đại học Đà Nẵng	Kế toán		DAN02124		97.50	57.50	MT		DAN00002
361	Trịnh Thị Như	Quỳnh				3	3	1991	Bình Trị, Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		DAN02131		42.50	53.75	62.50		DAN00313
362	Đỗ Hoàng	Sa				10	11	1990	Thôn Hanh Tây, xã Đại Thạnh, huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		DAN02133		VT	VT	VT		DAN00324
363	Lê Thị Ngọc	Sâm				26	1	1986	Tam Dân, Tam Kỳ, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN02136		VT	VT	VT		DAN00396
364	Đỗ Thị Thu	Sang				16	5	1992	Đại Cường, Đại Lộc , Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		DAN02137		65.00	55.00	57.50		DAN00500
365	Phạm Thị	Sen				6	12	1994	Chỉ Đạo, Mỹ Văn, Hưng Yên	Đại học Quy Nhơn	Quản lý tài chính kế toán		DAN02144		VT	VT	VT		DAN00099
366	Nguyễn Thị Ánh	Sương				1	1	1991	Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Luật TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Con TB	DAN02165	20	65.00	61.25	67.50		DAN00474
367	Đình Viêt	Tài	3	5	1993				Xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN02171		VT	VT	VT		DAN00116
368	Nguyễn Văn	Tài	20	10	1994				Hòa Minh, Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Luật Huế	Luật dân sự		DAN02176		VT	VT	VT		DAN00255
369	Đoàn Minh	Tâm	4	11	1976				Xã Điện Phong, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Đà Nẵng	Kế toán		DAN02180		60.00	MT	75.00		DAN00382
370	Lê Thị Thanh	Tâm				31	7	1985	TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN02188		VT	VT	VT		DAN00548
371	Mai Công	Tâm				8	10	1991	Thạch Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng Thương mại		DAN02191		VT	VT	VT		DAN00349

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
372	Nguyễn Thị Bằng	Tâm				13	10	1993	Triệu Độ, Triệu Phong, Quảng Trị	Trường Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN02196		82.50	30.00	62.50		DAN00024
373	Phạm Thị	Tâm				5	12	1991	Tam Đại, Phú Ninh, Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN02203		97.50	47.50	80.00		DAN00204
374	Trần Thị Thanh	Tâm				13	10	1993	Xã Thị Trấn, huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02208		VT	VT	VT		DAN00301
375	Trương Vĩnh Thanh	Tâm				5	5	1988	Đồng Lâm, Đại Quang, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		DAN02213		VT	VT	VT		DAN00443
376	Vũ Minh	Tâm				30	4	1989	Thanh Tùng, Thanh Miên, Hải Dương	Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Kế toán		DAN02216		77.50	52.50	72.50		DAN00069
377	Trần Thị Nhật	Tân				20	10	1990	Điện Hồng, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		DAN02219		VT	VT	VT		DAN00435
378	Trình Duy	Thái	12	12	1983				Yên Quang, Ý Yên, Nam Định	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		DAN02224		75.00	33.75	67.50		DAN00016
379	Lê Thị Hồng	Thắm				6	2	1991	Quảng Lưu, Quảng Trạch, Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		DAN02229		VT	VT	VT		DAN00299
380	Nguyễn Thị	Thắm				15	9	1988	Duy Châu, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		DAN02231		80.00	MT	72.50		DAN00448
381	Trần Thị Thu	Thắm				5	10	1993	Quê Lưu, Hiệp Đức, Quảng Nam	Đại học Công nghiệp thực phẩm HCM	Quản trị kinh doanh		DAN02237		50.00	48.75	57.50		DAN00606
382	Hồ Thị	Thắng				3	4	1984	Thị Trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		DAN02240		82.50	38.75	77.50		DAN00273
383	Trương Phước Đại	Thắng	20	12	1994				Điện Hồng, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Nha Trang	Kế toán	Con TB	DAN02246	20	VT	VT	VT		DAN00379
384	Dương Thị	Thanh				20	10	1992	Long Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN02251		VT	VT	VT		DAN00127
385	Dương Thị Vân	Thanh				2	8	1988	Xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02252		VT	VT	VT		DAN00036
386	Hồ Thị Lan	Thanh				28	10	1992	Điện Tiến, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN02255		82.50	52.50	77.50		DAN00328
387	Nguyễn Thị Hoài	Thanh				12	2	1990	Xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh quốc tế		DAN02267		95.00	50.00	77.50		DAN00133
388	Phùng Thị Hải	Thanh				3	3	1991	Cầm Giang, Hải Dương	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN02274		VT	VT	VT		DAN00402
389	Trần Vũ Đan	Thanh				12	4	1988	Tổ 8, thôn 8, xã Hương An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN02277		95.00	53.75	85.00		DAN00369
390	Đoàn Phương	Thành	4	2	1982				Xã Quảng Hòa, huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh		DAN02286		VT	VT	MT		DAN00311
391	Cáp Thị Phương	Thảo				31	3	1994	Hải Xuân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin doanh nghiệp		DAN02303		95.00	65.00	80.00		DAN00130
392	Đinh Thị	Thảo				7	10	1989	Lam Sơn, Bim Sơn, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN02306		95.00	72.50	77.50		DAN00400
393	Đỗ Thanh	Thảo				30	12	1989	Xã Điện Trung, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Bách khoa Đà Nẵng	Kinh tế xây dựng và Quản lý dự án		DAN02308		87.50	77.50	75.00		DAN00434
394	Dương Thị Hồng	Thảo				17	5	1992	Nghĩa Đông, Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN02311		77.50	53.75	77.50		DAN00151
395	Hồ Phương	Thảo				4	11	1992	Đức Thạnh - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		DAN02314		72.50	46.25	82.50		DAN00071
396	Hồ Thị Thanh	Thảo				24	1	1995	Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02316		77.50	56.25	62.50		DAN00605
397	Huỳnh Thị Kim	Thảo				10	8	1991	Sơn Trà, Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02322		VT	VT	VT		DAN00344
398	Lê Hữu	Thảo	9	4	1982				Thôn 1, xã Trà Giang, huyện Bắc Trà My, T.Quảng Nam	Đại học kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		DAN02323		70.00	MT	75.00		DAN00154
399	Lê Nguyễn Phương	Thảo				19	8	1990	Tịnh Hà, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		DAN02324		VT	VT	VT		DAN00425
400	Lê Thị Phương	Thảo				17	4	1993	Quảng Thọ, Quảng Xương, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	Kế toán		DAN02332		VT	VT	VT		DAN00527

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
401	Lương Thị Quý	Thảo				1	1	1993	Xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Nha Trang	Kế toán		DAN02341		87.50	53.75	75.00		DAN00051
402	Nguyễn Lê Thanh	Thảo				21	4	1994	Xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		DAN02346		82.50	77.50	75.00		DAN00061
403	Nguyễn Thị	Thảo				1	1	1985	Bình Phú, Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế TP Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh quốc tế		DAN02349		77.50	42.50	70.00		DAN00568
404	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo				15	9	1991	Phường An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam	Trường Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		DAN02357		VT	VT	VT		DAN00045
405	Nguyễn Thị Thanh	Thảo				10	9	1993	Tam Ngọc, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN02366		VT	VT	VT		DAN00598
406	Nguyễn Thị Thanh	Thảo				14	1	1990	Duy Sơn - Duy Xuyên - Quảng Nam	Đại học Quảng Nam	Kế toán		DAN02364		VT	VT	VT		DAN00052
407	Nguyễn Thị Thu	Thảo				14	10	1991	Thanh Quít 1, Điện Thắng Trung, Điện Bàn, Quảng Nam	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN02370		87.50	66.25	80.00		DAN00524
408	Nguyễn Thị Thu	Thảo				24	9	1990	Phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02369		95.00	43.75	65.00		DAN00037
409	Nguyễn Thị Trần	Thảo				15	4	1991	Tứ Ngán, Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Tài chính - Marketing	Kế toán doanh nghiệp		DAN02374		50.00	41.25	50.00		DAN00364
410	Nguyễn Xuân	Thảo	15	11	1990				Bình Hải, Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân - Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN02377		VT	VT	VT		DAN00502
411	Ông Thị Thanh	Thảo				27	1	1994	Xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế đầu tư		DAN02378		35.00	53.75	47.50		DAN00096
412	Trần Phương	Thảo				29	9	1993	phường Hòa Quý, quận Ngũ ánh Sơn, TP Đà Nẵng	Trường Đại Học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN02386		VT	VT	VT		DAN00553
413	Trần Phương	Thảo				1	2	1991	Xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại Học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN02385		VT	VT	VT		DAN00569
414	Vũ Thị Anh	Thảo				10	9	1992	Bình Quý, Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02403		52.50	43.75	67.50		DAN00267
415	Lê Thị	Thạo				27	12	1990	Xóm Tiến, xã Đông Hưng, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN02406		VT	VT	VT		DAN00019
416	Nguyễn Thị Anh	Thị				24	8	1990	Bình Phúc, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học công nghiệp TP HCM	Tài chính ngân hàng		DAN02412		77.50	43.75	62.50		DAN00263
417	Nguyễn Phương	Thiên				24	7	1994	Khối 5 Thị trấn Núi Thành, Quảng Nam	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán		DAN02417		52.50	38.75	67.50		DAN00602
418	Hà Phước	Thiên	5	5	1993				Khối phố Ngọc Tứ, phường Điện An, thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính công		DAN02418		50.00	48.75	57.50		DAN00303
419	Võ Thị Mỹ	Thiên				28	6	1991	Thôn Tân Vinh, X.Tam Vinh, H.Phú Ninh, T.Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN02422		VT	VT	VT		DAN00221
420	Hứa Đình	Thiệt	4	9	1993				Tân Ninh, Triệu Sơn, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán	Con BB	DAN02424	20	57.50	55.00	65.00		DAN00460
421	Đoàn Thị	Thiệt				1	1	1990	Thôn Phú Bình, X. Quế Xuân 2, H.Quế Sơn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát	Con NHCS như TB	DAN02425	20	VT	VT	VT		DAN00279
422	Dương	Thịnh	21	12	1993				Xã Điện Phong, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Tài chính ngân hàng		DAN02426		VT	VT	VT		DAN00128
423	Lưu Thị Anh	Thơ				14	9	1995	Quế Xuân, Quế Sơn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật học		DAN02441		100.00	80.00	82.50		DAN00209
424	Vương Thị Thi	Thơ				2	11	1990	Nghĩa Đông, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	ĐH Công nghiệp HCM	Tài chính Ngân hàng		DAN02443		72.50	38.75	62.50		DAN00517
425	Hoàng Đức	Thọ	11	1	1990				Xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại Học Kinh Tế TP Đà Nẵng	Kế toán		DAN02445		85.00	42.50	77.50		DAN00559
426	Lê Thị Kim	Thoa				13	4	1986	La Duy, Hải Xuân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		DAN02450		57.50	65.00	67.50		DAN00306
427	Đặng	Thôi	10	2	1993				Túy Loan, Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN02456		50.00	55.00	75.00		DAN00442

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
428	Hà Phúc	Thống	18	9	1987				Điện Hồng, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN02463		15.00	28.75	67.50		DAN00068	
429	Lê Thị Kim	Thu				6	4	1992	Thôn Dương Quang, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		DAN02474		VT	VT	VT		DAN00040	
430	Nguyễn Thị Kim	Thu				21	2	1984	Đà Nẵng	Trường Đại học Sài Gòn	Kế toán		DAN02484		VT	VT	VT		DAN00542	
431	Hồ Thị Anh	Thư				25	7	1990	Châu Hiệp, Thị trấn Nam Phước, Duy Xuyên, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán kiểm toán		DAN02495		82.50	56.25	62.50		DAN00014	
432	Lê Đỗ Anh	Thư				24	1	1990	Phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02497		VT	VT	VT		DAN00335	
433	Lê Thị Minh	Thư				25	9	1993	Xã Bình Quý, H.Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN02501		VT	VT	VT		DAN00274	
434	Nguyễn Anh	Thư				28	11	1991	Thôn Nam Hà 1, Xã Điện Trung, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN02504		70.00	47.50	57.50		DAN00587	
435	Nguyễn Hữu Anh	Thư				18	12	1987	Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN02505		VT	VT	VT		DAN00377	
436	Nguyễn Phúc Anh	Thư				19	6	1991	Quế Phú, Quế Sơn, Quảng Nam	Trường Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN02506		90.00	66.25	80.00		DAN00001	
437	Phạm Thị Anh	Thư				10	7	1994	Thôn Nghĩa Bắc, xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02507		97.50	55.00	80.00		DAN00109	
438	Phạm Duy	Thu	20	3	1988				Xã Hoa Thủy, H. Lệ Thủy, T.Quảng Bình	Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN02512		50.00	27.50	30.00		DAN00157	
439	Hoàng Phương	Thuận				14	1	1992	Duy Phước, Duy Xuyên, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân - Đà Nẵng	Ngân hàng	Con TB	DAN02517	20	65.00	40.00	57.50		DAN00514	
440	Huỳnh Thị	Thuận				16	6	1994	Phước Cẩm, Bình Tú, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật học		DAN02518		VT	VT	VT		DAN00419	
441	Huỳnh Đức	Thức	20	11	1990				Hòa Phong, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN02522		30.00	36.25	37.50		DAN00228	
442	Doãn Thị	Thương				10	1	1989	Nghi Phong, Nghi Lộc, Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	DAN02527	20	VT	VT	VT		DAN00253	
443	Hoàng Thị Hoài	Thương				11	12	1982	Vĩnh Trung, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN02532		VT	VT	VT		DAN00463	
444	Lê Ngọc	Thương				10	9	1989	Hòa Phú, Đại An, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN02535		67.50	66.25	67.50		DAN00375	
445	Lê Thị Thu	Thương				9	1	1988	Tổ 8, phường Tây Sơn, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02539		37.50	31.25	55.00		DAN00143	
446	Ngô Thị	Thương				19	2	1989	Hải Chánh, Triệu Hải, Quảng Trị	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		DAN02541		VT	VT	VT		DAN00087	
447	Phạm Thị	Thường				10	10	1989	Thôn Lâm Châu, Xã Thạch Châu, H.Lộc Hà , Hà Tĩnh	Học viện Ngân hàng	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	DAN02563	20	95.00	50.00	75.00		DAN00170	
448	Lê Thị Ngọc	Thủy				24	5	1991	Xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		DAN02576		VT	VT	VT		DAN00060	
449	Lê Thị Phương	Thủy				18	1	1991	Bình An, Thăng Bình, QUảng Nam	Đại học kinh tế luật TP HCM	Kế toán kiểm toán		DAN02577		87.50	55.00	82.50		DAN00192	
450	Nguyễn Thị Như	Thủy				11	12	1990	Ấp Nam, Đại Minh, Đại Lộc, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân - Đà Nẵng	Kế toán Doanh nghiệp		DAN02589		VT	VT	VT		DAN00508	
451	Nguyễn Thị Thanh	Thủy				24	2	1988	Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		DAN02590		70.00	51.25	67.50		DAN00327	
452	Trần Thị	Thủy				8	2	1985	Hải Phú, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02595		VT	VT	VT		DAN00178	
453	Võ Thị	Thủy				10	6	1991	Xã Tam An, H.Phú Ninh, T.Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Luật	Kinh tế và quản lý công		DAN02600		VT	VT	VT		DAN00271	
454	Võ Thị Thanh	Thủy				2	12	1988	Xã Long Toàn, huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		DAN02603		VT	VT	VT		DAN00312	
455	Bùi Thị Thanh	Thùy				10	10	1983	Cát Văn, Thanh Chương, Nghệ An	Trường Đại học Đà Nẵng	Kế toán		DAN02604		VT	VT	VT		DAN00278	
456	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy				15	1	1993	Thôn An Long II, Quế Phong, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Luật Huế	Luật kinh tế	Con TB	DAN02611	20	52.50	27.50	30.00		DAN00523	
457	Phạm Dương	Thùy				15	12	1988	Điện Hòa, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02612		85.00	47.50	77.50		DAN00441	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
458	Đậu Thanh	Thủy				19	2	1985	Minh Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN02621		80.00	43.75	57.50		DAN00456
459	Hoàng Thị Thu	Thủy				29	6	1985	Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN02626		70.00	MT	75.00		DAN00357
460	Nguyễn Thị Mai	Thủy				30	4	1990	Yến nê 2, xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Đại Học Duy Tân	Kế toán-Kiểm toán		DAN02649		VT	VT	VT		DAN00567
461	Nguyễn Thị Thu	Thủy				20	11	1992	X.Bình Lâm, H.Hiệp Đức, Quảng Nam	Đại học Đông Á Đà Nẵng	Kế toán		DAN02656		95.00	50.00	70.00		DAN00201
462	Nguyễn Thị Thu	Thủy				1	11	1992	Triều Đông, Triều Phong, Quảng Trị	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		DAN02655		85.00	43.75	72.50		DAN00091
463	Nguyễn Thị Thu	Thủy				2	3	1991	Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN02654		60.00	36.25	57.50		DAN00035
464	Trần Thị	Thủy				1	1	1990	Lộc Điện, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN02662		VT	VT	VT		DAN00139
465	Trần Thị	Thủy				28	2	1985	Xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế lao động		DAN02661		VT	VT	VT		DAN00072
466	Văn Thị Thanh	Thủy				20	2	1993	Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		DAN02670		45.00	46.25	62.50		DAN00413
467	Lê Thị Thủy	Tiên				5	3	1990	Thôn Đình An, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Quy nhơn	Quản trị kinh doanh		DAN02674		VT	VT	VT		DAN00440
468	Nguyễn Thị Giáng	Tiên				16	6	1992	Điện Quang, H Điện Bàn, T.Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN02680		87.50	67.50	72.50		DAN00179
469	Trần Thị Thủy	Tiên				17	5	1992	Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng	Con TB	DAN02684	20	37.50	58.75	77.50		DAN00492
470	Võ Kiều	Tiên				28	2	1985	Tổ 4, P.Hòa Thọ Tây, Q.cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Đà Nẵng	Kế toán		DAN02685		77.50	MT	67.50		DAN00203
471	Nguyễn Văn	Tín	13	2	1994				Duy Sơn, Duy Xuyên, Quảng Nam	Trường Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán		DAN02697		52.50	41.25	65.00		DAN00600
472	Nguyễn Thị	Tinh				28	8	1991	Sơn Thủy, Lệ Thủy, T.Quảng Bình	Đại học Quảng Bình	Kế toán		DAN02700		50.00	26.25	50.00		DAN00158
473	Huỳnh Thị Thanh	Tịnh				30	1	1991	Hiền Lương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Luật kinh doanh		DAN02707		87.50	56.25	87.50		DAN00530
474	Huỳnh Sơn	Toàn	26	11	1991				TP Hội An, T.Quảng Nam	Trường Đại học tOWSON	Quản trị kinh doanh	Con TB	DAN02711	20	82.50	MT	75.00		DAN00241
475	Lê Thanh	Toàn	4	9	1987				Xã Điện Phương, TX Điện Bàn, T.Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế HCM	Thống kê kinh doanh		DAN02712		52.50	31.25	35.00		DAN00283
476	Trần Thị	Trà				1	11	1991	Thôn Xuân Đông, xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN02733		80.00	51.25	80.00		DAN00342
477	Đặng Thị Hạ	Trâm				7	6	1994	phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Kế toán Doanh nghiệp		DAN02736		VT	VT	VT		DAN00497
478	Huỳnh Thị Bích	Trâm				10	11	1989	Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN02738		VT	VT	VT		DAN00466
479	Nguyễn Thị Thủy	Trâm				9	6	1990	Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN02749		52.50	43.75	50.00		DAN00138
480	Võ Quỳnh	Trâm				18	12	1991	Đà Nẵng	Đại học Sài gòn	Kế toán		DAN02756		40.00	36.25	60.00		DAN00295
481	Lê Ngọc Phương	Trâm				1	10	1989	Điện Hồng, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		DAN02757		VT	VT	VT		DAN00030
482	Ngô Hà	Trân				29	8	1993	Duy Vinh, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN02760		VT	VT	VT		DAN00056
483	Nguyễn Lê Bảo	Trân				22	7	1994	Xã Duy Châu, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán và kiểm toán		DAN02761		67.50	73.75	65.00		DAN00126
484	Văn Thị Huyền	Trân				26	10	1981	Quảng Lợi, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN02764		37.50	41.25	72.50		DAN00401
485	Bùi Minh	Trang				24	9	1991	Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Học viện ngân hàng	Ngân hàng thương mại		DAN02766		82.50	68.75	75.00		DAN00003
486	Cao Thị Minh	Trang				18	6	1990	Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN02770		VT	VT	VT		DAN00259
487	Đặng Thị	Trang				20	7	1985	Thôn Song Bình, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		DAN02773		VT	VT	VT		DAN00132

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
488	Đoàn Thị Thu	Trang				2	9	1985	Thị Trấn Ái Nghĩa, H.Đại Lộc, T.Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02779		VT	VT	VT		DAN00208	
489	Hồ Thị Huyền	Trang				12	6	1990	Đức Thắng, Mộ Đức, Quảng Ngãi	Trường Đại học công nghiệp TP HCM	Kế toán kiểm toán		DAN02783		VT	VT	VT		DAN00269	
490	Hồ Thị Thu	Trang				30	7	1992	Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN02787		VT	VT	VT		DAN00493	
491	Lê Huyền	Trang				14	11	1992	An Lộc, Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Hợp đồng	Con NHCS như TB	DAN02793	20	100.00	53.75	87.50		DAN00080	
492	Lê Nam	Trang				2	5	1990	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN02794		42.50	65.00	67.50		DAN00261	
493	Lê Thị	Trang				14	11	1993	Xóm 10 xã Thanh Liên, H.Thanh Chương, T.Nghệ An	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02798		95.00	55.00	85.00		DAN00159	
494	Lê Thị Thủy	Trang				24	5	1988	Đại Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình	Trường Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		DAN02808		VT	VT	VT		DAN00346	
495	Lê Thủy	Trang				14	8	1991	Khu 8 thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN02813		85.00	41.25	65.00		DAN00023	
496	Mai Thị Thủy	Trang				26	9	1995	Điện Thọ, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật Kinh doanh		DAN02817		67.50	51.25	70.00		DAN00066	
497	Nguyễn Thị Hạnh	Trang				18	8	1990	Thị trấn Hà lam, Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		DAN02832		VT	VT	VT		DAN00536	
498	Nguyễn Thị Huyền	Trang				7	12	1992	Thịnh Sơn, Đô Lương, Nghệ An	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	DAN02835	20	77.50	58.75	80.00		DAN00521	
499	Nguyễn Thị Kiều	Trang				24	10	1986	Xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02838		VT	VT	MT		DAN00140	
500	Nguyễn Thị Minh	Trang				26	7	1992	Đại Chánh, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN02840		100.00	63.75	92.50		DAN00129	
501	Phạm Lê Hiền	Trang				18	3	1993	Đức Hòa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Đại học kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		DAN02863		52.50	55.00	45.00		DAN00173	
502	Trần Nguyễn Đoan	Trang				2	1	1990	Đà Nẵng	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN02885		VT	VT	VT		DAN00366	
503	Trần Phạm Huyền	Trang				1	12	1986	Quế An, Quế Sơn, Quảng Nam	Trường Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN02887		45.00	45.00	55.00		DAN00044	
504	Trần Thị Hoài	Trang				27	8	1991	Kỳ Lam, Điện Quang, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN02894		90.00	73.75	95.00		DAN00013	
505	Trần Thị Minh	Trang				15	2	1992	Bình Định	Trường Đại học Duy Tân - Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN02898		VT	VT	VT		DAN00513	
506	Trần Thị Thanh	Trang				6	1	1986	Phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	Kế toán		DAN02901		62.50	31.25	52.50		DAN00518	
507	Trịnh Thị Thanh	Trang				10	1	1987	Duy An, Duy Xuyên, Quảng Nam	Trường Đại học Duy Tân - Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		DAN02907		VT	VT	VT		DAN00507	
508	Trương Phan Thủy	Trang				17	3	1993	Phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN02908		90.00	57.50	82.50		DAN00048	
509	Nguyễn Thị Hải	Triều				27	6	1989	Thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp	Con TB	DAN02925	20	80.00	55.00	62.50		DAN00147	
510	Trần Văn Hải	Triều	25	4	1977				TP Hồ Chí Minh	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		DAN02928		VT	VT	MT		DAN00476	
511	Bùi Lê Nhật	Trình				3	9	1990	phường Thanh Khê, quận Thanh Khê, TPĐà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN02929		60.00	60.00	67.50		DAN00453	
512	Đặng Mai Phương	Trình				29	8	1994	Đại Hiệp, Đại Lộc, Quảng Nam	ĐH Tài chính - Marketing	Quản trị KD tổng hợp		DAN02932		87.50	71.25	77.50		DAN00505	
513	Đặng Thị Kiều	Trình				18	5	1994	Nam Phúc, Nam Đàn, Nghệ An	Đại học Duy Tân	Ngân hàng	Con TB	DAN02933	20	VT	VT	VT		DAN00499	
514	Lê Thị Tuyết	Trình				21	11	1993	Đại An, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN02938		VT	VT	VT		DAN00380	
515	Nguyễn Thị Kiều	Trình				20	1	1991	Xã Đại Cường, huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán Kiểm toán		DAN02944		82.50	40.00	50.00		DAN00309	
516	Trần Thị Tố	Trình				20	11	1988	Thôn Hưng Mỹ, xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN02949		77.50	50.00	55.00		DAN00073	
517	Võ Công	Trình	15	1	1984				Hương Thủy, TP Huế	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN02954		55.00	52.50	70.00		DAN00409	
518	Hồ Tâm	Trung	22	2	1993				Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	DAN02958	20	80.00	50.00	57.50		DAN00065	

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
519	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Trung				3	7	1994	Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		DAN02959		60.00	66.25	45.00		DAN00424
520	Phạm Hiếu	Trung	18	10	1993				Xã Vĩnh Thành, H.Vĩnh Linh, Quảng Trị	Viện Đại học Mở Hà Nội	Luật quốc tế	Con TB	DAN02966	20	VT	VT	VT		DAN00220
521	Trần Bảo	Trung	24	4	1991				Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính doanh nghiệp		DAN02968		62.50	36.25	55.00		DAN00084
522	Ngô Quang	Trưởng	22	4	1991				Xã Tam Giang, H.Núi Thành, T.Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán kiểm toán		DAN02973		VT	VT	VT		DAN00183
523	Nguyễn Đức	Trưởng	4	4	1991				Thôn Hòa Khương Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng	HTNVQS	DAN02974	10	VT	VT	VT		DAN00348
524	Bùi Thị Thủy	Tú				22	12	1985	Xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế lao động		DAN02975		VT	VT	VT		DAN00316
525	Nguyễn Ngọc	Tú	4	11	1992				Xã Hòa Khương, H.Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học mở TP HCM	Luật kinh tế		DAN02986		47.50	48.75	37.50		DAN00177
526	Trần Thị	Tú				14	5	1991	Duy Phước, Duy Xuyên, T.Quảng Nam	Đại học công nghiệp TP HCM	Kế toán kiểm toán		DAN02991		60.00	41.25	52.50		DAN00175
527	Trần Thị Minh	Tú				14	7	1993	Viên Sơn, Hà Tây, Sơn Tây	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN02993		92.50	70.00	72.50		DAN00354
528	Đinh Ngọc	Tuấn	2	2	1993				Bình Phục, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính	Con TB	DAN02999	20	VT	VT	VT		DAN00075
529	Hồ Minh	Tuấn	9	12	1990				Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Ngân hàng TP HCM	Ngân hàng quốc tế		DAN03002		70.00	48.75	77.50		DAN00249
530	Phạm Quang	Tuấn	21	4	1989				Quế Xuân, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		DAN03011		VT	VT	VT		DAN00595
531	Kiều Văn	Tùng	9	11	1993				Điện Nam, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán-Kiểm toán		DAN03017		VT	VT	VT		DAN00455
532	Võ Thị Thủy	Tuyên				1	2	1993	Thôn An Ngãi Đông, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Tài chính Marketing	Tài chính ngân hàng		DAN03023		42.50	35.00	52.50		DAN00092
533	Lê Thị Thanh	Tuyển				1	9	1993	Xã Tiên Cẩm, huyện Tiên Phước, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN03024		77.50	46.25	70.00		DAN00028
534	Nguyễn Thị	Tuyển				25	8	1993	Điện Thăng, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN03026		85.00	48.75	77.50		DAN00152
535	Lê Mai	Tuyển				9	10	1990	Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Tài chính ngân hàng		DAN03029		100.00	72.50	82.50		DAN00136
536	Nguyễn Thị Thanh	Tuyển				15	8	1992	Duy Phú, Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học FPT	Tài chính doanh nghiệp		DAN03034		VT	VT	VT		DAN00319
537	Lê Thị	Tuyệt				16	10	1992	Xã Giao Hải, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN03041		85.00	45.00	72.50		DAN00093
538	Lê Thị Ánh	Tuyệt				13	10	1990	Xã Điện Minh, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN03042		VT	VT	VT		DAN00137
539	Lê Đoàn Tú	Uyên				7	9	1993	Tịch Tây, Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	Đại học Tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		DAN03058		95.00	51.25	75.00		DAN00079
540	Lê Thị Hà	Uyên				1	10	1993	Quế An, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN03059		VT	VT	VT		DAN00471
541	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên				9	6	1993	Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		DAN03060		55.00	36.25	70.00		DAN00392
542	Nguyễn Thị Minh	Uyên				18	5	1984	Tam Thăng, Tam Kỳ, Quảng Nam	Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		DAN03063		VT	VT	VT		DAN00478
543	Phan Nguyễn Thủy	Uyên				30	10	1991	Quế Thuận, Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN03066		VT	VT	VT		DAN00588
544	Trần Thị Phương	Uyên				24	12	1988	Xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN03067		VT	VT	VT		DAN00108
545	Đặng Thị	Vân				16	11	1993	Xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		DAN03072		87.50	66.25	87.50		DAN00078
546	Đỗ Nguyễn Khánh	Vân				17	12	1993	Thôn Thanh Long, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh du lịch		DAN03075		VT	VT	VT		DAN00403

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
547	Hồ Y	Vân	13	8	1985				Lộc Đông, Quế Lộc, Nông Sơn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		DAN03077		45.00	40.00	70.00		DAN00076
548	Lê Thị Ái	Vân				10	1	1990	Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Đông Á Đà Nẵng	Kế toán		DAN03084		30.00	40.00	45.00		DAN00260
549	Lê Thị Bích	Vân				6	1	1991	Đội 6, thôn 6, xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế TP Đà Nẵng	Kế toán		DAN03085		60.00	41.25	72.50		DAN00563
550	Lê Thị Thanh	Vân				30	1	1994	Liêm Tiết, Thanh Liêm, Hà Nội	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN03087		87.50	67.50	87.50		DAN00457
551	Lê Thủy	Vân				19	6	1990	Thanh Hóa	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	Con TB	DAN03088	20	VT	VT	VT		DAN00407
552	Lưu Thị Thùy	Vân				12	5	1991	Phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		DAN03089		65.00	47.50	62.50		DAN00398
553	Nguyễn Thị Bích	Vân				6	1	1994	Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN03095		VT	VT	VT		DAN00268
554	Nguyễn Thị Hồng	Vân				22	9	1988	La Trung, Điện Thọ, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN03098		82.50	33.75	57.50		DAN00199
555	Lê Thị Bảo	Vi				9	3	1987	Đại An, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng		DAN03115		77.50	37.50	70.00		DAN00370
556	Nguyễn Thị	Vi				30	9	1988	Duy Châu, Duy Xuyên, Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN03120		90.00	48.75	82.50		DAN00185
557	Nguyễn Thị Yến	Vi				5	4	1982	Bình An, Hòa Cường, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		DAN03122		VT	VT	VT		DAN00280
558	Trần Thị Phước	Vi				1	1	1991	Tam Xuân 2, Núi Thành, Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế TP Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN03125		50.00	50.00	60.00		DAN00562
559	Dương Quốc	Viên	20	1	1994				Hòa Hiệp, Liên Chiêu, TP Đà Nẵng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		DAN03131		37.50	37.50	50.00		DAN00459
560	Lê Doãn	Việt	8	1	1993				Xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Tài chính ngân hàng		DAN03137		VT	VT	VT		DAN00102
561	Lê Văn	Việt	21	4	1991				Xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN03140		VT	VT	VT		DAN00022
562	Trần Việt	Việt				6	1	1988	Hòa Phước, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		DAN03145		87.50	41.25	80.00		DAN00531
563	Mai Đăng	Vinh	19	1	1992				phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đại học Duy Tân	Tài chính ngân hàng		DAN03147		VT	VT	VT		DAN00122
564	Nguyễn Hoàng	Vinh	2	5	1993				Điện Phong, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng quát		DAN03148		32.50	37.50	47.50		DAN00355
565	Nguyễn Thị Kim	Vinh				1	8	1993	Thôn Sơn Viên, xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		DAN03152		37.50	26.25	45.00		DAN00423
566	Nguyễn Thị Thanh	Vinh				1	1	1992	Quế Phong, Quế Sơn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN03155		VT	VT	VT		DAN00062
567	Phạm Thị Tường	Vinh				17	12	1993	Phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật học		DAN03156		90.00	72.50	82.50		DAN00405
568	Thần Thị Hồng	Vinh				13	6	1982	Điện An, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		DAN03158		52.50	25.00	45.00		DAN00436
569	Hồ Tấn	Vũ	11	10	1994				Thôn Đồng Trì, X. Bình Hải, H. Thăng Bình, Quảng Nam	Trường Đại học quốc tế - Đại học quốc gia TP HCM	Quản trị kinh doanh	Con TB	DAN03163	20	42.50	63.75	82.50		DAN00284
570	Trần Uy	Vũ	20	11	1991				Thôn Mễ, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		DAN03175		72.50	57.50	70.00		DAN00074
571	Võ Thị	Vương				30	11	1991	Thôn 2, Xã Bình Dương, H. Thăng Bình, T. Quảng Nam	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		DAN03178		85.00	43.75	62.50		DAN00215
572	Hồ Thị Tường	Vy				11	7	1992	Quế Lộc, Nông Sơn, Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DAN03181		67.50	32.50	67.50		DAN00365
573	Hoàng Thị Ngọc	Vy				19	9	1991	Thôn 3, xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN03183		67.50	38.75	62.50		DAN00358
574	Nguyễn Cửu Thảo	Vy				10	1	1994	Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng	Đại học dân lập Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN03186		VT	VT	VT		DAN00172
575	Nguyễn Đình Khánh	Vy				29	10	1989	Xã Điện Thọ, TX Điện Bàn, T. Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN03187		60.00	MT	57.50		DAN00245

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
576	Phạm Thị	Vy				24	11	1991	Thị Trấn Nam Phước, Duy Xuyên, Quảng Nam	Trường Đại Học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh	Kế toán		DAN03191		VT	VT	VT		DAN00558
577	Võ Thị Tường	Vy				14	9	1989	Đại Lộc, Quảng Nam	Trường Đại học dân lập Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN03194		62.50	41.25	67.50		DAN00238
578	Lê Thị	Xinh				10	5	1992	Quê Xuân I, Quê Sơn, Quảng Nam	Trường Đại học dân lập Duy Tân	Tài chính doanh nghiệp		DAN03197		VT	VT	VT		DAN00234
579	Đường Thị Thanh	Xuân				20	10	1988	Xóm 7, xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		DAN03203		55.00	35.00	72.50		DAN00113
580	Trần Thị	Xuân				30	10	1992	Thôn Hà Mỹ, xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị tài chính		DAN03211		VT	VT	VT		DAN00486
581	Nguyễn Thị Như	Ý				2	2	1994	Thôn Túy Loan Đông 1, X.Hòa Phong, H.Hòa Vang, Đà Nẵng	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng	Con TB	DAN03219	20	65.00	67.50	72.50		DAN00265
582	Nguyễn Thị Như	Ý				11	11	1992	Điện Hồng, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		DAN03218		97.50	80.00	90.00		DAN00207
583	Trần Võ Như	Ý	20	12	1995				Hòa Thọ, Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Đại học Luật	Luật kinh tế		DAN03220		VT	VT	VT		DAN00607
584	Đinh Thị Tổ	Yên				2	6	1991	Tam Thành, Phú Ninh, Quảng Nam	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán Doanh nghiệp		DAN03222		55.00	28.75	82.50		DAN00462
585	Lê Thị	Yến				26	2	1993	Quang Sơn, Đồ Lương, Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		DAN03237		95.00	63.75	80.00		DAN00325
586	Nguyễn Phương Hoàng	Yến				23	8	1991	Điện Thọ, Điện Bàn, Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		DAN03243		VT	VT	VT		DAN00427
587	Nguyễn Thị Hải	Yến				20	10	1990	Diễn Tháp - Diễn Châu - Nghệ An	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế và quản lý công	Con TB	DAN03247	20	92.50	52.50	87.50		DAN00054
588	Nguyễn Thị Hoàng	Yến				16	7	1991	Thôn 1, xã Quê Châu, huyện Quê Sơn, Tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	DAN03253	20	72.50	61.25	72.50		DAN00532
589	Trần Hải	Yến				20	11	1993	Xã Hương Điền, H.Vũ Quang, T.Hà Tĩnh	Học viện tài chính	Kế toán doanh nghiệp	Con BB	DAN03264	20	VT	VT	VT		DAN00184
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	Võ Trần Hoàng	Diệu	2	1	1991				Phước Thái, Hòa Nhơn, Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Trường Đại học Đông Á	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng		DAN03459		60.00	40.00	56.00		DAN00571
2	Nguyễn Thị	Hương				17	9	1988	Vĩnh Thạch, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Trường Cao Đẳng Đông Á	Hành chính Văn thư		DAN03462		VT	VT	VT		DAN00570
3	Nguyễn Thị Thu	Huyền				28	12	1991	Ở gia Bắc, Đại Cường, Đại Lộc, Quảng Nam	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	Quản trị văn phòng		DAN03463		68.00	26.00	64.00		DAN00576
4	Diệp Thị	Li Li				15	6	1992	xã Quê Phước , huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Đông Á	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng		DAN03464		80.00	50.00	68.00		DAN00582
5	Nguyễn Thị Kim	Loan				7	5	1991	Điện Thọ, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	Quản trị văn phòng		DAN03465		64.00	30.00	76.00		DAN00578
6	Trần Thị Thảo	Ly				10	3	1991	Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	Hành chính		DAN03468		VT	VT	VT		DAN00573
7	Mai Thị Hương	Lý				16	2	1990	Quê An, Quê Sơn, Quảng Nam	Trường Cao Đẳng Công Kỹ Nghệ Đông Á	Quản trị văn phòng		DAN03469		56.00	20.00	72.00		DAN00572
8	Nguyễn Thị Kiều	Minh				1	1	1982	Hải Lệ, Hải Lăng, Quảng Trị	Trường Trung học Kinh tế - Kỹ Thuật Phương Đông	Nghiệp vụ văn thư- Lưu trữ		DAN03471		52.00	24.00	64.00		DAN00580
9	Trần Thị	Minh				13	4	1991	Thôn Trường Hải, xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Học Viện Hành Chính	Hành chính học		DAN03472		VT	VT	VT		DAN00586
10	Mai Thị Thái	Ngân				14	11	1989	Quảng Nam	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	Quản trị văn phòng		DAN03474		36.00	80.00	68.00		DAN00577
11	Thái Thị Thanh	Phương				5	3	1987	Phú Tây, Điện Quang, Điện Bàn, Quảng Nam	Trường Trung Cấp Kinh Tế Kỹ Thuật Phương Đông	Nghiệp vụ văn thư- Lưu trữ		DAN03479		56.00	72.00	84.00		DAN00574

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
12	Lê Thị Phương	Thanh				5	1	1988	Thuận Lộc Huế, Thừa Thiên Huế	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Thừa Thiên Huế	Hành chính Văn thư		DAN03481		60.00	26.00	52.00		DAN00585
13	Võ Thị Thu	Thủy				3	10	1985	Hòa Châu, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Trung Cấp Kinh Tế Kỹ Thuật Phương Đông	Nghiệp vụ văn thư- Lưu trữ		DAN03482		72.00	40.00	80.00		DAN00581
14	Đỗ Thụy Tuyết	Trinh				6	3	1984	Thôn Hòa Thạch, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, Quảng Nam	Trường Trung học Kinh tế - Kỹ Thuật Phương Đông	Nghiệp vụ văn thư- Lưu trữ		DAN03485		76.00	34.00	84.00		DAN00579
15	Nguyễn Thị Kiều	Trinh				25	7	1993	Hòa Châu, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Học Viện Hành Chính Quốc Gia TP Hồ Chí Minh	Hành chính học		DAN03486		80.00	56.00	68.00		DAN00575
16	Trần Thị Minh	Tuyết				10	9	1987	Thôn Cẩm Toại Trung, xã Hoài Phong, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Trường Đại học Đông Á	Hành chính văn thư		DAN03487		68.00	46.00	68.00		DAN00584
17	Phan Thị Thanh	Uyên				29	4	1995	Vĩnh Hà, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	Quản trị văn phòng		DAN03488		80.00	44.00	64.00		DAN00583

ng